

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM TRỰC  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 6 - 2020

V/v ly hôn giữa chị T và anh D

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Thanh

Ông Nguyễn Văn Hùng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Xóm, thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Xóm, thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

**Bị đơn:** Anh Phạm Văn D, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm, thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn D kết hôn ngày 20 tháng 7 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mặc dù đã được gia đình bạn bè động viên khuyên giải nhưng vẫn không khắc phục được. Từ tháng 06/2018 chị và anh D

đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn D;

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Đức H, sinh ngày 04/7/2016 hiện đang ở với anh D và bà nội cháu (bà Phạm Thị Ú). Khi ly hôn nếu anh D có nguyện vọng tiếp tục nuôi con, thì chị nhất trí giao con cho anh D nuôi, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Trường hợp anh D nhường quyền nuôi con cho chị, thì chị xin được trực tiếp nuôi con, hiện chị đang làm công nhân của Công ty điện tử tại Hà Nam có thu nhập ổn định, nên chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/02/2020 bị đơn anh Phạm Văn D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nhỏ, anh nghĩ vẫn có thể khắc phục hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nên anh đề nghị Tòa án xem xét bác đơn xin ly hôn của chị T để vợ chồng anh có cơ hội làm lại.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Đức H, sinh ngày 04/7/2016 cháu đang ở với anh. Hiện nay anh làm nghề tự do thu nhập không ổn định, nếu phải ly hôn anh nhường quyền nuôi con cho chị T, anh không có tranh chấp gì về việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh D đều vắng mặt;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn (chị T) đã thực hiện đúng; bị đơn (anh D) đã được Tòa án gửi và niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng.

*Về nội dung:* Áp dụng Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Tòa án xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phạm Văn D. Giao con chung là cháu Phạm Đức H, sinh ngày 04/7/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ giao con cho chị T nuôi; chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Phạm Văn D đã được Tòa án gửi và niêm yết thủ tục phiên tòa 02 lần hợp lệ, nhưng anh D vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, từ tháng 6 năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh Phạm Văn D thừa nhận trong quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nhỏ, anh nhận thấy có khả năng khắc phục được, anh mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh lại không đến Tòa làm việc, điều đó chứng tỏ anh có ý thức bỏ mặc không muốn gìn giữ cuộc chung giữa anh và chị T.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị T và anh D không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Văn D của chị Nguyễn Thị T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung chưa thành niên: Chị T và anh D có 01 con chung là cháu Phạm Đức H, sinh ngày 04/7/2016, khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Cháu H còn nhỏ, chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con; hiện chị đang làm công nhân của Công ty điện tử có thu nhập ổn định, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng. Anh D làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, nhất trí giao con cho chị T nuôi và không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng. Sự tự nguyện của các đương sự không trái đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Anh D có trách nhiệm giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T; anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc, trông nom, chăm sóc, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn D.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao cháu Phạm Đức H, sinh ngày 04/7/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh Phạm Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có trách nhiệm giao con chung (cháu H) cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc, trông nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai số 0001082, ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, chị Thoa đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ánh**